

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/DS-ST.

Ngày 19/11/2020

V/v “Tranh chấp thừa kế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Dá.

- Ông Võ Tấn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST-DS ngày 02/8/2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXX-ST ngày 09/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 2XX ấp L, thị trấn P, huyện T, Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Phấn K, sinh năm 1990, địa chỉ: số 3XX/XX, khóm A, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (ông K có mặt)

- Bị đơn: Bà Thạch Thị Sà E, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn G, sinh năm 1961. (vắng mặt)

2. Ông Ngô Hùng P, sinh năm 1965.

3. Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1965.

Bà D ủy quyền cho ông P (theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020, ông P có đơn đề nghị xử vắng mặt).

4. Ông Đinh H, sinh năm 1992. (vắng mặt)

5. Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

6. Ông Trần Minh A, sinh năm 1987. (vắng mặt)

7. Ông Trần Minh C, sinh năm 1996. (vắng mặt)
 8. Bà Trần Thị B, sinh năm 1993. (vắng mặt)
 9. Bà Trần Thị F, sinh năm 1999. (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
10. Ông Trần Văn S, sinh năm 1959. (vắng mặt)
 11. Bà Trần Thị L, sinh năm 1963. (vắng mặt)
 12. Bà Trần Thị O, sinh năm 1976. (vắng mặt)
 13. Ông Trần Y. (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Năm 2016 ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông P, bà D chiều ngang 8,1m, chiều dài 30,5m, ông là người trực tiếp giao dịch với ông P, khi làm hợp đồng để chuyển quyền sử dụng đất thì ông để cho con ông đứng tên chuyển nhượng một phần diện tích đất là ngang 4,1m, còn ông thì đứng tên hợp đồng chuyển nhượng phần còn lại chiều ngang là 4m. Ông được cấp quyền sử dụng tại thửa 952 diện tích 122m², còn con ông là Đinh H được cấp quyền sử dụng tại thửa 953 diện tích 125m². Đất của ông là giáp với đất bà E, khi chuyển nhượng có cậm cọc, bà E cũng thống nhất vị trí cậm cọc, sau đó ông T san lấp mặt bằng và không rõ nguyên nhân vì sao cọc phía trước bị mất, ông T làm hàng rào thì bà E ra ngăn cản cho rằng đã lấn sang đất bà E.

Trước đây ông T khởi kiện yêu cầu trả cho ông chiều ngang 1,5m dài 25m, nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà E và ông G giao trả đất tranh chấp chiều ngang cặp Quốc lộ X là 0,54m, chiều dài một cạnh 9,14m, một cạnh 9,06m (từ lộ vô đến vị trí điểm gốc dừa, hình tam giác).

Bị đơn bà Thạch Thị Sà E có lời khai:

Đất bà giáp ranh với đất ông P, nguồn gốc đất là đất của cha mẹ chồng là bà Sơn Thị U và ông Trần Ê (ông Ê và bà U đều đã chết), đất do bà U đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, cách nay khoảng hơn 10 năm bà có chuyển nhượng cho ông P cái mương giáp ranh, không biết diện tích bao nhiêu, giá 1.500.000 đồng, đất giữa hai bên có ranh rõ ràng, phía sau là hàng bình bát, phía trước là cây dừa. Khi ông P chuyển nhượng lại cho ông T bà có chỉ ranh đến cây dừa.

Bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu ông T vì đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng của bà, bà không có lấn chiếm đất của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hùng P và bà Trần Ngọc D do ông P là người đại diện trình bày ý kiến:

Trước đây ông có một phần đất giáp ranh với đất bà E, đất giữa hai bên có cái mương làm ranh, cái mương là của ông còn từ bờ mương trở qua đất bà E là của bà E. Đất của ông chiều ngang khoảng 20m, ông chuyển nhượng cho nhiều người, đến năm 2016 ông mới chuyển nhượng phần còn lại cho ông T, lúc hai bên thỏa thuận chuyển nhượng không có đo diện tích cụ thể, chỉ có nói là ranh bên ông là tới mé mương và ước lượng chiều ngang thửa đất là khoảng 7,8m nhưng chỉ tính 7,5m, chiều dài khoảng 30m, giá 1m ngang là 20.000.000 đồng. lý do phần đất ông với đất bà E chưa cắm ranh rõ ràng, cây mọc um tùm nên không đo đạc được diện tích chính xác, mương là của ông còn bờ mương là đất bà E. Khi địa chính đo đạc cấp quyền sử dụng đất ông không rõ diện tích cụ thể bao nhiêu, lý do trước đó ông và ông T đã thống nhất chỉ tính tiền 7,5m, coi như đã thống nhất giá tiền của lô đất chuyển nhượng (xem như bán mảo lô đất), do đó ông không quan tâm số đo cụ thể, khi đó các bên thống nhất ranh và có cắm cọc làm ranh, có mặt bà E, khi ông T xây dựng san lấp mặt bằng nên mất hiện trạng con mương. Theo kết quả thẩm định đất, ông thống nhất gốc dừa thẩm định đúng là ranh giữa hai bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh H và bà Đỗ Thị Kim N: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S có lời khai: Trước đây cha mẹ của ông là bà Sơn Thị U và ông Trần Ê (ông Ê và bà U đều đã chết) có một phần đất giáp với đất ông P, hiện nay do vợ chồng ông G, bà E sử dụng, cha mẹ chết không có di chúc, các anh chị em của ông sau đó có tranh chấp và được áp hòa giải thống nhất chia phần đất giáp ông P (hiện vợ chồng bà E, ông G sử dụng) là chia cho ông G. Ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Y, bà Trần Thị O, bà Trần Thị L: Không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh A, ông Trần Minh C, bà Trần Thị B, bà Trần Thị F: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn giao trả đất tranh chấp và bị đơn phải chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đơn khởi kiện yêu cầu buộc trả ngang 1,5m dài 25m, nay chỉ yêu cầu bị đơn giao trả đất tranh chấp chiều ngang giáp lộ là 0,54m dài một cạnh 9,14m, một cạnh 9,06m (tính từ lộ vô đến vị trí gốc dừa, hình tam giác), Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2] Nguyên đơn ông Đinh Văn T yêu cầu bị đơn bà Thạch Thị Sà E giao trả đất tranh chấp chiều ngang giáp lộ là 0,54m dài một cạnh 9,14m, một cạnh 9,06m (hình tam giác), lý do ông T cho rằng ông nhận chuyển nhượng đất của ông Ngô Hùng P chiều ngang 8,1m, sau khi chuyển nhượng đã làm thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất bao gồm thửa 953 do con ông T là ông Đinh H đứng tên, thửa 952 do ông T đứng tên, đất hiện nay do ông H sử dụng, khi ông làm hàng rào thì bà E ngăn cản cho rằng lấn sang đất bà E và cặm cọc lấn ranh qua đất của ông. Ngược lại bà E trình bày đất tranh chấp là của bà được mẹ chồng là bà Sơn Thị U cho, trước đây bà có chuyển nhượng cho ông P cái mương, phần mương là của ông P còn từ bờ mương trở về là đất của bà, ông T đã san lấp mặt bằng và làm hàng rào lấn sang đất bà nên bà không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy qua kết quả thẩm định thửa 953, 952 tổng số đo thực tế chiều ngang phía sau của hai thửa là 8,33m, chiều ngang phía trước giáp lộ là 6,76m, ở vị trí phía trước, cạnh giáp đất bà E là ông P, ông T, bà E đều xác nhận gốc dừa là của bà E. Ông P, bà E xác định đây là vị trí làm ranh giữa hai bên, do bà E chỉ chuyển nhượng cho ông đến mé mương còn bờ mương là của bà E. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai người được ông T thuê cặm trụ đá, ông cũng xác định khi đo đạc đất chuyển nhượng và thuê ông cặm trụ đá là bà E không đồng ý cho cặm trên bờ mương vì bờ là của bà, nên trụ đá cặm sát mé mương. Tuy nhiên do san lấp mặt bằng hiện trạng mương không còn. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử kết luận vị trí gốc dừa theo biên bản thẩm định ngày 19/3/2019 chính là ranh giữa thửa đất 543 và 952 là đúng. Kết quả thẩm định chiều ngang thửa 953, 952 từ phía giáp đất bà Q đến vị trí gốc dừa là ranh có số đo 7,30m. Như vậy có căn cứ xác định chiều ngang của cả hai thửa 953, 952 giáp lộ có tổng số đo là 7,30m chứ không phải 8,1m theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên hiện nay bà E xác định ranh giới của cả hai thửa 953, 952 giáp lộ chỉ ở vị trí 6,76m và ngăn cản ông T sử dụng đất vượt phạm vi 6,76m nêu trên là chưa đúng. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu bà E giao trả 0,54m là có căn cứ.

[3] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy đất bà E trình bày đất của bà có nguồn gốc là của bà Sơn Thị U và ông Thạch Ê cho vợ chồng bà, khi Tòa án thẩm định bà không cho đo đất nên Tòa án không tiến hành thẩm định được diện tích bà E sử dụng, kết quả trích lục hồ sơ cấp quyền sử dụng đất, đối chiếu sơ đồ cấp đất thửa 952 cho thấy phần đất bà E sử dụng là thửa 543, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do hộ bà Sơn Thị U đứng tên ngày 13/12/2001, qua kết quả xác minh cho thấy bà U và ông Ê đã chết, con của bà U và ông Ê là ông Trần Văn S trình bày đất tranh chấp là đất của bà U, ông Ê và được chia cho các người con, trong đó phần giáp với ông P là chia cho vợ chồng bà E, ông

G, các người con khác của bà U và ông Ê cũng không ai có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy đất tranh chấp tuy có nguồn gốc là của bà U và ông Ê, tuy nhiên vợ chồng bà E là người được cho đất nên việc bà E, ông G chuyển nhượng cái mương cho ông P, ông P chuyển nhượng lại cho ông T và hiện nay đất ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 952 bao gồm phần con mương đã chuyển nhượng là phù hợp quy định pháp luật. Do vậy cần buộc ông G, bà E và anh C (con bà E) là người trực tiếp sử dụng đất giao trả diện tích đất tranh chấp cho ông T.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà E và ông G phải chịu án phí và chi phí thẩm định, định giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Thạch Thị Sà E, ông Trần Văn G, ông Trần Minh C giao trả cho ông Đinh Văn T diện tích đất tranh chấp 2,4m², thửa 952, tờ bản đồ số 4, tọa lạc ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do ông Đinh Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19/02/2016, vào sổ cấp giấy số CS04667. Từ cạnh:

- Hướng Đông giáp thửa 543 có số đo 9,06m,
- Hướng Tây giáp phần đất còn lại thửa 952 có số đo 9,14m,
- Hướng Nam giáp Quốc lộ X có số đo 0,54m.
- Hướng Bắc là một điểm.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá: Buộc bà Thạch Thị Sà E và ông Trần Văn G liên đới nộp án phí là 300.000 đồng và chịu chi phí thẩm định, định giá là 6.725.000 đồng.

Hoàn trả ông Đinh Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003272 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

Hoàn trả ông Đinh Văn T số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá đã nộp 8.125.000 đồng (nhận tại Tòa án là 1.400.000 đồng và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự 6.725.000 đồng sau khi ông G, bà E nộp chi phí thẩm định, định giá).

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Bích Phượng